

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,240 – 1,245 trước khi tăng lên giao dịch trong vùng 1,245 – 1,250 và kết phiên tại mốc 1,250.46 điểm, tăng hơn 8 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Công nghệ thông tin,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dòng tiền tuy vẫn còn yếu nhưng tâm lý thị trường khá ủng hộ đà hồi phục của VN-Index. BSC vẫn duy trì quan điểm chỉ số có thể trở về ngưỡng 1,265. Tuy nhiên chỉ số đang ở ngưỡng kháng cự cũ 1,250, sự rung lắc có thể diễn ra trong 1, 2 phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.35** điểm, đóng cửa tại **1250.46** điểm. HNX-Index **+1.07** điểm, đóng cửa tại **224.64** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.80)**, **VCB (+0.95)**, **BID (+0.91)**, **BVH (+0.59)**, **HPG (+0.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.29)**, **VIC (-0.18)**, **EIB (-0.13)**, **NVL (-0.07)**, **VRE (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,500** tỷ đồng, tăng **21.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,457 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.92 điểm. Thị trường có **222** mã tăng, **88** mã tham chiếu, **147** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **334.11** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (237.00 tỷ)**, **MSN (88.47 tỷ)**, **HPG (72.97 tỷ)**, **CTR (64.20 tỷ)**, **PNJ (53.97 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.66** tỷ đồng.
- BSC30 **-0.03%**. Các mã diễn biến tích cực: **NLG (+1.06%)**, **CTR (+0.77%)**, **DGC (+0.75%)**.
- BSC50 **+0.16%**. Các mã diễn biến tích cực: **BMP (+3.87%)**, **VTP (+3.04%)**, **PLX (+2.30%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 28/11)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.03%	0.16%	0.01%	0.04%
1 tuần	0.80%	0.90%	1.11%	1.12%
1 tháng	-0.97%	-0.84%	-0.29%	0.00%
3 tháng	-0.06%	-0.90%	-0.11%	1.14%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,250.46	224.64	92.74
% 1D	0.67%	0.48%	0.42%
GTGD (tỷ VND)	11,500	760	562
%1D	21.71%	40.46%	-4.26%
GDNN (tỷ VND)	334.11	14.66	15.10

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	237.00	VRE	-74.14
MSN	88.47	VHM	-53.21
HPG	72.97	HDB	-46.59
CTR	64.20	VCB	-27.09
PNJ	53.97	TCB	-20.24

Thị trường thế giới

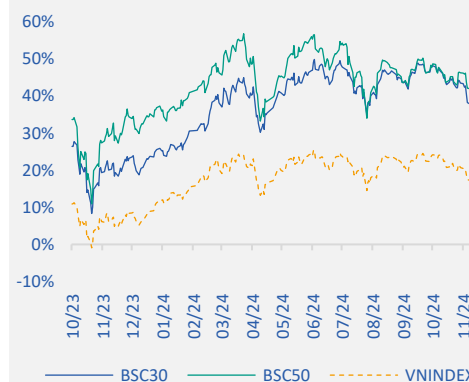
	%D	%W	
SPX	5,999	-0.38%	1.38%
FTSE100	8,268	-0.16%	0.07%
Eurostoxx	4,747	-0.39%	-0.99%
Shanghai	3,326	0.93%	1.81%
Nikkei	38,149	-0.52%	-0.45%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.77	-0.01%
Giá vàng	2,683	
Tỷ giá		
USD/VND	25,463	-0.08%
EUR/VND	27,527	0.12%
JPY/VND	171	0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



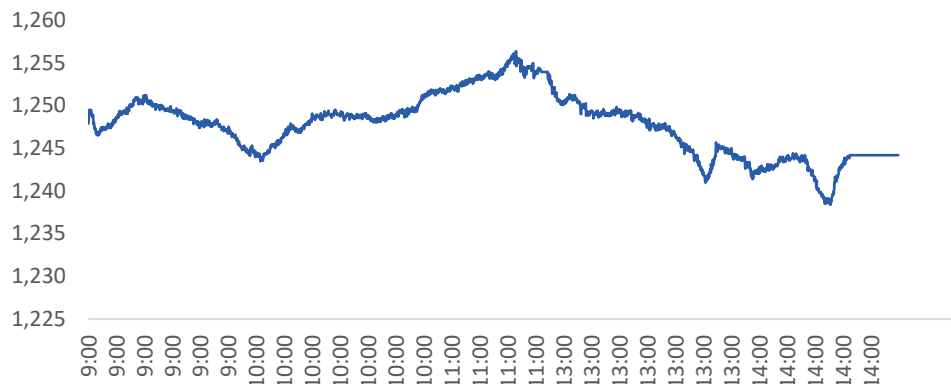
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1320.80	0.79%	269	-1.10%	1/16/2025	48
VN30F2412	1318.00	0.96%	207,274	4.17%	12/19/2024	20
VN30F2503	1321.00	0.84%	49	-9.26%	3/20/2025	111
VN30F2506	1324.70	1.05%	21	-59.62%	6/19/2025	202

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +9.74 điểm, đóng cửa tại 1311.26 điểm. Biên độ dao động 13.03 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MWG, MSN, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Chỉ số đóng cửa trong sắc xanh và tăng gần 10 điểm so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh, chú ý diễn biến trụ.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2412, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2503,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2401	12/6/2024	7	804,400	-78.37%	12.48	2,170	26.9%	15.27	31.21	144.30	144.30
CFPT2403	4/28/2025	150	926,900	-76.31%	13.50	5,170	20.2%	32.77	34.18	144.30	144.30
CFPT2402	7/28/2025	241	2,803,900	-72.35%	13.50	6,600	20.2%	32.80	39.90	144.30	144.30
CFPT2314	1/9/2025	41	970,600	-53.15%	8.64	6,830	9.5%	15.72	67.61	144.30	144.30
CMSN2404	7/28/2025	241	14,300	-75.98%	7.90	2,420	5.2%	16.39	17.58	73.20	73.20
CHPG2407	4/28/2025	150	133,700	-76.82%	2.60	900	4.7%	6.05	6.20	26.75	26.75
CHPG2408	7/28/2025	241	67,100	-74.50%	2.70	1,030	3.0%	6.03	6.82	26.75	26.75
CHPG2402	5/21/2025	173	256,400	-75.40%	2.82	1,380	3.0%	8.80	6.58	26.75	26.75
CSTB2402	5/21/2025	173	238,200	-73.87%	3.00	1,900	2.7%	10.12	8.70	33.30	33.30
CVIB2405	4/28/2025	150	18,800	-77.05%	1.80	1,280	2.4%	8.62	4.36	19.00	19.00
CHPG2406	10/28/2025	333	57,400	-72.49%	2.80	1,140	1.8%	6.02	7.36	26.75	26.75
CVNM2401	5/21/2025	173	277,200	-76.47%	6.38	1,140	1.8%	7.54	15.20	64.60	64.60
CVIB2406	7/28/2025	241	58,000	-75.89%	1.90	670	1.5%	4.29	4.58	19.00	19.00
CACB2404	7/28/2025	241	117,300	-75.63%	2.50	910	1.1%	5.69	6.14	25.20	25.20
CMWG2406	7/28/2025	241	214,800	-75.87%	6.60	2,000	1.0%	13.53	14.60	60.50	60.50
CMBB2402	5/21/2025	173	792,800	-76.66%	2.35	1,680	0.6%	11.17	5.64	24.15	24.15
CMWG2314	1/9/2025	41	961,300	-75.73%	5.16	960	0.0%	5.58	14.68	60.50	60.50
CMBB2315	1/9/2025	41	151,900	-70.50%	1.96	1,320	-0.8%	5.67	7.12	24.15	24.15
CVIC2405	7/28/2025	241	27,900	-76.54%	4.30	1,300	-0.8%	9.08	9.50	40.50	40.50
CVRE2406	7/28/2025	241	394,300	-76.20%	1.90	590	-4.8%	4.01	4.26	17.90	17.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 29/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2401 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 26.90%. CFPT2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 39.44%.
- CFPT2314, CMBB2315, CFPT2402, CHPG2406, và CSTB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CMSN2404, CMSN2405, và CFPT2314 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	144.30	3.52%	5.02
HPG	26.75	1.33%	1.22
MWG	60.50	0.83%	0.57
MSN	73.20	1.10%	0.51
MBB	24.15	0.63%	0.43

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	40.80	-0.73%	-0.44
VIC	40.50	-0.49%	-0.22
VRE	17.90	-0.56%	-0.09
TPB	16.20	-0.31%	-0.06
POW	12.40	-0.40%	-0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	144.30	3.52%	1.80	1.47
VCB	93.30	0.76%	0.95	5.59
BID	46.75	1.41%	0.91	5.70
BVH	47.50	6.98%	0.59	0.74
HPG	26.75	1.33%	0.55	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	28.00	2.19%	0.23	0.55
PVI	49.50	2.70%	0.22	0.23
KSV	47.10	3.06%	0.20	0.20
VCS	65.80	2.33%	0.17	0.16
PVS	34.40	1.47%	0.17	0.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	40.80	-0.73%	-0.29	4.11
VIC	40.50	-0.49%	-0.18	3.82
EIB	18.50	-1.60%	-0.13	1.86
NVL	10.95	-1.35%	-0.07	1.95
VRE	17.90	-0.56%	-0.05	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHN	6.20	-6.06%	-0.03	0.13
HTC	26.30	-9.62%	-0.03	0.02
THD	35.90	-0.28%	-0.03	0.38
HGM	150.00	-0.66%	-0.01	0.01
VFS	14.70	-0.68%	-0.01	0.12

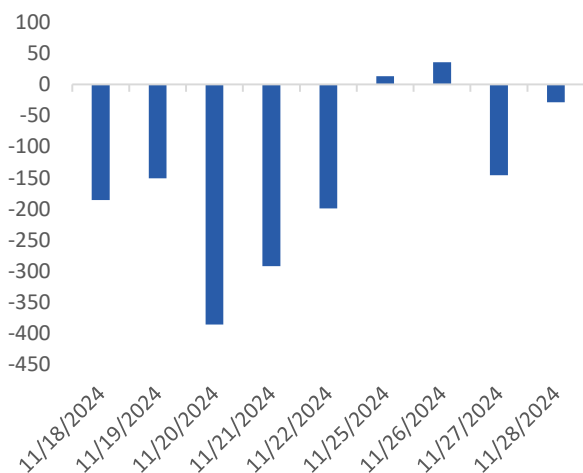
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

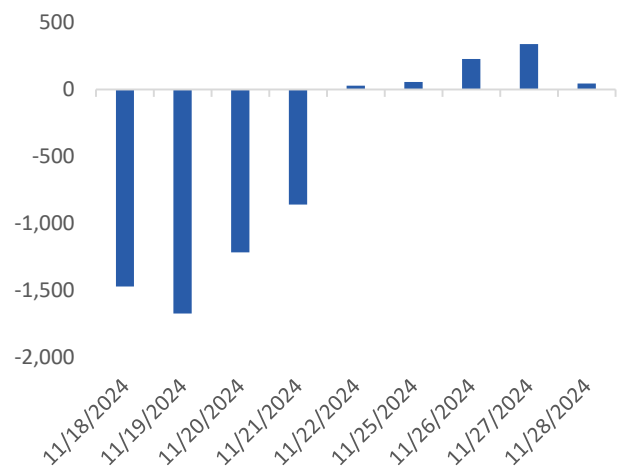
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1
Giao dịch tự doanh

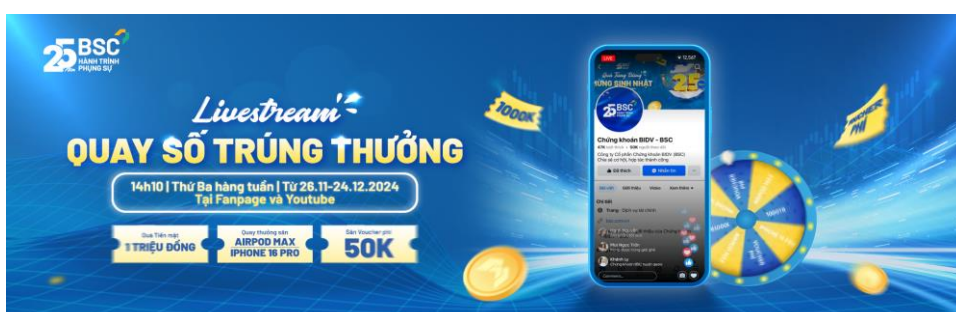


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.3	0.80%	0.7	20,550	3.7	6,194	15.1	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	1.40%	1.4	10,502	2.7	4,106	11.4	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.50%	1.0	5,988	4.5	1,663	11.5	-	25.2%	Link
TCB	Ngân hàng	23.6	0.00%	1.3	6,552	7.9	3,207	7.4	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	24.2	0.60%	1.2	5,050	4.1	4,021	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.3	0.50%	1.4	2,474	8.7	4,640	7.2	-	23.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.8	1.00%	1.6	7,566	7.2	4,035	8.9	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.2	0.20%	0.8	4,436	3.9	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.6	1.00%	1.5	1,898	8.7	1,490	16.5	-	36.3%	Link
IDC	Xây dựng	55.4	1.10%	1.0	720	1.4	6,634	8.4	65,700	22.8%	Link
HPG	Xây dựng	26.8	1.30%	1.0	6,743	14.6	1,905	14.0	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	19.0	0.00%	1.6	465	3.2	828	22.9	25,300	10.1%	Link
VHM	BĐS	40.8	-0.70%	0.7	6,604	8.9	4,700	8.7	108,300	11.7%	Link
KDH	BĐS	33.2	0.30%	1.2	1,321	1.9	522	63.5	44,500	36.7%	Link
NLG	BĐS	38.4	0.40%	1.2	583	1.0	793	48.5	-	48.1%	Link
DGC	Hóa chất	109.5	1.70%	1.4	1,639	9.1	7,791	14.1	115,000	17.9%	Link
DCM	Phân bón	36.9	-0.10%	0.9	770	5.5	2,917	12.7	38,700	6.8%	Link
GAS	Dầu khí	69.6	0.40%	0.5	6,426	0.8	4,728	14.7	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34.4	1.50%	1.1	648	2.5	1,919	17.9	57,000	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	23.7	0.40%	1.4	519	1.9	1,211	19.6	38,400	10.8%	Link
POW	Dầu khí	12.4	-0.40%	0.6	1,144	3.2	597	20.8	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	72.8	1.80%	1.3	644	1.6	3,814	19.1	108,500	28.4%	Link
GMD	Logistics	64.7	0.00%	0.7	1,056	2.1	4,315	15.0	90,400	36.8%	Link
VNM	Bán lẻ	64.6	0.20%	0.4	5,321	2.8	4,591	14.1	93,100	51.6%	Link
MSN	Bán lẻ	73.2	1.10%	1.0	4,364	12.8	898	81.5	110,000	23.6%	Link
MWG	Bán lẻ	60.5	0.80%	1.2	3,486	13.3	2,028	29.8	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	92.9	0.10%	1.0	1,237	3.1	5,960	15.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	43.2	5.10%	1.8	370	7.8	1,809	23.9	66,600	22.1%	Link
FPT	Bán lẻ	144.3	3.50%	1.0	8,366	65.9	5,129	28.1	107,900	45.6%	Link
CTR	Hạ tầng	119.5	1.60%	1.5	539	12.6	4,640	25.8	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.4	0.20%	1.1	2,910	5.9	4,461	5.7	1.5	16.7%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.0	0.50%	1.1	2,231	6.4	2,412	7.9	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.2	-0.30%	1.4	1,687	3.1	1,840	8.8	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.5	0.90%	1.1	1,178	2.2	1,687	6.8	0.8	27.6%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.5	-1.60%	0.8	1,358	2.1	1,447	12.8	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.2	0.00%	1.8	799	4.6	1,409	20.0	2.0	45.1%	10.6%
VCI	Chứng khoán	33.1	0.20%	1.5	937	4.3	1,419	23.3	2.2	14.4%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.8	-1.10%	1.5	825	3.0	1,503	9.2	1.1	12.3%	15.0%
BSI	Chứng khoán	45.0	2.60%	1.9	396	0.6	1,732	26.0	2.0	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.2	0.00%	1.6	423	1.7	1,178	11.2	1.0	3.6%	10.5%
CTD	Xây dựng	65.8	0.60%	1.4	259	1.6	3,361	19.6	0.8	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.0	0.00%	1.5	186	0.6	835	13.1	0.5	8.4%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.0	0.00%	1.5	76	0.3	825	12.2	0.8	2.0%	5.7%
SZC	Xây dựng	40.7	0.60%	1.0	289	3.1	1,572	25.9	2.4	2.7%	12.1%
SIP	Xây dựng	78.6	0.30%	1.2	652	0.8	5,635	13.9	3.9	3.1%	29.0%
PHR	BĐS KCN	56.4	-0.20%	0.9	301	0.3	2,858	19.7	2.0	18.1%	12.1%
DIG	BĐS	20.3	-0.20%	1.6	488	6.3	135	150.7	1.6	5.0%	1.1%
CEO	BĐS	14.2	0.00%	1.9	302	1.5	316	45.0	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.8	-0.20%	1.4	839	3.8	549	50.5	1.1	18.9%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.2	1.80%	1.2	746	3.3	1,312	32.2	2.3	3.8%	8.2%
GVR	BĐS KCN	31.3	-0.20%	1.6	4,934	2.2	851	36.8	2.4	0.3%	6.5%
NKG	BĐS KCN	19.4	0.00%	1.6	201	1.3	1,736	11.2	0.9	7.2%	7.4%
BMP	Vật liệu	126.5	2.30%	1.1	408	1.5	12,420	10.2	3.5	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.4	0.00%	1.3	200	0.4	729	18.4	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	17.5	0.60%	1.4	497	9.1	197	88.8	1.2	18.1%	1.9%
VRE	Bất động sản	17.9	-0.60%	1.2	1,603	5.5	1,795	10.0	1.0	21.0%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.2	0.20%	1.7	730	4.9	500	42.4	1.7	7.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.3	-0.20%	1.6	488	6.3	135	150.7	1.6	5.0%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	0.00%	0.8	556	0.4	75	210.2	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.6	-1.30%	1.0	-	0.1	573	13.3	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.2	0.40%	1.6	162	1.8	2,122	17.5	2.8	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	34.5	0.30%	1.0	109	0.1	3,330	10.4	1.4	39.3%	13.3%
DRC	Cao su	28.6	-0.20%	0.8	134	0.4	2,259	12.6	1.8	9.4%	16.5%
PC1	Điện	23.1	0.40%	1.0	326	1.4	1,511	15.3	1.3	11.2%	6.1%
HDG	BĐS	28.7	-0.70%	1.3	380	4.6	2,116	13.6	1.6	18.0%	11.8%
GEX	Điện	18.8	-0.30%	1.5	637	2.8	1,207	15.6	1.2	5.7%	7.0%
QTP	Điện	14.0	0.70%	0.6	-	0.1	1,500	9.3	1.2	0.9%	11.2%
PLX	O&G	40.0	0.00%	0.7	2,003	0.7	2,350	17.0	2.0	17.6%	13.8%
BSR	O&G	19.7	0.50%	1.1	-	1.1	966	20.4	1.1	0.7%	13.4%
PLC	O&G	20.5	-0.50%	1.3	65	0.0	611	33.6	1.3	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.4	3.10%	1.2	194	1.6	315	58.5	0.9	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	63.9	2.90%	1.1	169	0.7	4,944	12.9	1.5	24.0%	11.9%
VSC	Logistics	16.0	0.30%	1.1	181	1.4	737	21.7	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	48.0	0.80%	0.9	230	3.7	3,571	13.5	1.9	12.3%	10.6%
DBC	Logistics	26.9	1.50%	1.6	355	2.7	1,604	16.8	1.4	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	178.5	0.90%	0.8	958	5.5	775	230.4	13.5	37.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.9	0.20%	0.5	-	0.6	6,553	7.8	2.0	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	25.0	0.80%	1.1	121	3.3	2,427	10.3	1.6	17.4%	14.7%
PVT	O&G	27.0	0.70%	1.0	379	1.4	3,130	8.6	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.4	0.40%	1.0	545	5.1	1,700	20.8	1.3	8.9%	5.5%
REE	Tiện ích	67.2	0.30%	1.0	1,247	1.3	3,860	17.4	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660